

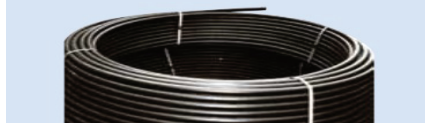


THÔNG SỐ ỐNG NHỰA HDPE - ISO 4427:2007 (TCVN 7305:2008)

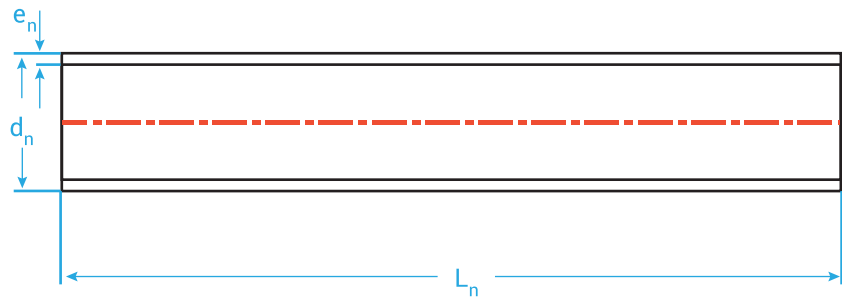
PARAMETER OF HDPE PIPES - ISO 4427:2007 (TCVN 7305:2008)



Ống (cây)/pipe (bar)



Ống (cuộn)/pipe (coil)



Dãy ống Pipe series		S12,5	S10	S8	S6,3	S5	S4	Chiều dài danh nghĩa, L _n Nominal length					
		SDR 26	SDR 21	SDR 17	SDR 13,6	SDR 11	SDR 9						
Nguyên liệu/Material PE 80		PN 5	PN 6	PN 8	PN 10	PN 12,5	PN 16	Ống (cây) Pipe (bar)					
Nguyên liệu/Material PE 100		PN 6	PN 8	PN 10	PN 112,5	PN 16	PN 20						
DN	d _n	e _n						Ống (cây) Pipe (bar)			Ống (cuộn) Pipe (coil)		
mm	mm	mm	mm	mm	mm	mm	mm	m	m	m	m	m	m
16	16,0	-	-	-	-	-	2,0	-	-	-	50	100t	200
20	20,0	-	-	-	-	2,0	2,3	-	-	-	50	100	200
25	25,0	-	-	-	2,0	2,3	3,0	-	-	-	50	100	200
32	32,0	-	-	2,0	2,3	3,0	3,6	-	-	-	50	100	200
40	40,0	-	2,0	2,4	3,0	3,7	4,5	4	5	6	50	100	200
50	50,0	2,0	2,4	3,0	3,7	4,6	5,6	4	5	6	50	100	200
63	63,0	2,5	3,0	3,8	4,7	5,8	7,1	4	5	6	25	50	100
75	75,0	2,9	3,6	4,5	5,6	6,8	8,4	4	5	6	25	50	100
90	90,0	3,5	4,3	5,4	6,7	8,2	10,1	4	5	6	25	50	-
110	110,0	4,2	5,3	6,6	8,1	10,0	-	4	5	6	-	-	-
125	125,0	4,8	6,0	7,4	9,2	11,4	-	4	5	6	-	-	-
140	140,0	5,4	6,7	8,3	10,3	12,7	-	4	5	6	-	-	-
160	160,0	6,2	7,7	9,5	11,8	14,6	-	4	5	6	-	-	-
180	180,0	6,9	8,6	10,7	13,3	16,4	-	4	5	6	-	-	-
200	200,0	7,7	9,6	11,9	14,7	18,2	-	4	5	6	-	-	-
225	225,0	8,6	10,8	13,4	16,6	20,5	-	4	5	6	-	-	-
250	250,0	9,6	11,9	14,8	18,4	22,7	-	4	5	6	-	-	-
280	280,0	10,7	13,4	16,6	20,6	25,4	-	4	5	6	-	-	-
315	315,0	12,1	15,0	18,7	23,2	28,6	-	4	5	6	-	-	-
355	355,0	13,6	16,9	21,1	26,1	32,2	-	4	5	6	-	-	-
400	400,0	15,3	19,1	23,7	29,4	36,3	-	4	5	6	-	-	-
450	450,0	17,2	21,5	26,7	33,1	40,9	-	4	5	6	-	-	-
500	500,0	19,1	23,9	29,7	36,8	45,4	-	4	5	6	-	-	-
560	560,0	21,4	26,7	33,2	41,2	50,8	-	4	5	6	-	-	-
630	630,0	24,1	30,0	37,4	46,3	57,2	-	4	5	6	-	-	-
710	710,0	27,2	33,9	42,1	52,2	64,5	-	4	5	6	-	-	-
800	800,0	30,6	38,1	47,4	58,8	72,6	-	4	5	6	-	-	-

Lưu ý:

- DN: kích thước danh nghĩa
- d_n: đường kính ngoài danh nghĩa
- e_n: bề dày thành ống danh nghĩa
- PN: áp suất danh nghĩa, áp suất làm việc ở 20°C (bar)
- Để có thêm thông tin, vui lòng liên hệ với công ty chúng tôi

Note:

- DN: nominal size
- d_n: nominal outside diameter
- e_n: nominal wall thickness
- PN: Nominal pressure, working pressure at 20°C (Unit: bar)
- For more information, please contact us